

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp
và môi trường thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2021;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính, Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện các thủ tục hành chính của UBND tỉnh Nghệ An tính đến ngày 24/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Yên Thành về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại UBND huyện Yên Thành;

Xét đề nghị của công chức nông nghiệp & Môi trường xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo quyết định này gồm 14 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực nông nghiệp & Môi trường được thực hiện tại UBND xã Long Thành (*Danh mục TTHC ban hành kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND xã Long Thành về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và môi trường thực hiện tại UBND xã Long Thành.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng các ban, ngành đoàn thể, Công chức Nông nghiệp & Môi trường xã; các thành viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND Huyện (b/c);
- Công TTĐT xã(công khai);
- Lưu : VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đề

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG
NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN TẠI UBND XÃ LONG THÀNH**
(Kèm theo Quyết định số /UBND ngày tháng 03 năm 2025 của UBND xã Long Thành)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố (Số, ngày, tháng, năm)	Thời gian giải quyết (theo ngày làm việc)	Cách thức thực hiện
	B1	Ngành NN&PTNT	12 thủ tục		
	I	Lĩnh vực trồng trọt	1 Thủ tục		
1	1.008004.000.00.00.H41	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	2597/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	5	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	II	Lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường	1 Thủ tục		
2	1.008838.000.00.00.H41	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	3224/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	3	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	III	Lĩnh vực nông nghiệp	1 Thủ tục		
3	1.003596.000.00.00.H41	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	15	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	IV	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	4 thủ tục		
4	1.010091.000.00.00.H41	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	25	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
5	1.010092.000.00.00.H41	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho	1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	30	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC

		lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội			
6	2.002163.000.00.00.H41	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	7	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
7	2.002162.000.00.00.H41	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	15	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	V	Thủy lợi	3 thủ tục		
8	2.001621.000.00.00.H41	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	7	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
9	1.003446.000.00.00.H41	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	20	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
10	1.003440.000.00.00.H41	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	20	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	VI	Kiểm lâm	1 thủ tục		
11	1.012693.000.00.00.H41	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	2060/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	VII	Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (KHDT)	1 thủ tục		

12	2.002668.000.00.00.H41	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2770/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	10	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
	B2	Lĩnh vực môi trường	2 thủ tục		
13	1.010736.000.00.00.H41	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	4263/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC
14	1.004082.000.00.00.H41	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	4263/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Tối đa là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp, trực tuyến hay DVBC

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG THÀNH